



yǒu shǐ yǒu zhōng

有始有终

idiom · to finish what one starts

Example Sentences

Tā zuò shì yǒu shǐ yǒu zhōng

他做事有始有终。

He finishes what he starts.

xué xí yì mén yǔ yán xū yào yǒu shǐ yǒu zhōng de nài xīn

学习一门语言需要有始有终的耐心。

Learning a language requires the patience to finish what you start.

Trace each character, then write the word on your own.

有	有	有	有	有	有	有	有	有		
始	始	始	始	始	始	始	始	始	始	始
有	有	有	有	有	有	有	有	有		
终	终	终	终	终	终	终	终	终	终	终